

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/DS-ST
Ngày 23 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc
và thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tân.
2. Ông Trương Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8, 04 và 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Thanh V**, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Kim Điền P**. Địa chỉ liên hệ: Văn phòng L, số F H, ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 26-02-2024, có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà **Lê Thị Q**, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông **Dương Văn X**, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Ông **Dương Văn X1**, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Ông **Dương Văn V1**, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Ông **Dương Văn S**, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Dương Thanh V, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Kim Điền P trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 26-01-2021, ông Dương Thanh V có đặt cọc 100.000.000 đồng để thỏa thuận nhận chuyển nhượng phần đất của cha ông là ông Dương Thanh Q1 tại thửa đất số 1506, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.605 m² tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Việc đặt cọc có làm giấy biên nhận và có các anh, chị, em ký tên chứng kiến. Tại thời điểm nhận cọc có mặt bà Lê Thị Q, là vợ sau của ông Q1, cũng là người nhận tiền. Sau khi đặt cọc, chưa kịp làm thủ tục chuyển tên thì ông Q1 đã chết. Những người thừa kế của ông Q1 gồm: Bà Lê Thị Q, ông Dương Văn S, ông Dương Văn X1, ông Dương Văn X, ông Dương Văn V1 phải thực hiện thay nghĩa vụ do ông Q1 để lại. Di sản mà ông Q1 để lại là thửa đất số 930, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.138,2 m² tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Q, ông Dương Văn S, ông Dương Văn X1, ông Dương Văn X, ông Dương Văn V1 là những người thừa kế của ông Dương Văn Q2 có trách nhiệm trả cho ông V số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng.

Bị đơn ông Dương Văn S có ý kiến trình bày:

Cha của ông tên là Dương Thanh Q1, đã chết ngày 25-7-2022. Ông Q1 có vợ là bà Lê Thị Q nhưng không có con chung với bà Q. Ông Q1 có 05 người con riêng với người vợ trước đã ly hôn, gồm có: Ông Dương Văn S, ông Dương Thanh V, ông Dương Văn X1, ông Dương Văn X và ông Dương Văn V1. Ngoài ra, ông Q1 không còn người thừa kế nào khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất và khi chết thì không có để lại di chúc.

Sự việc đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cha ông là Dương Thanh Q1 với em của ông là Dương Thanh V năm 2021 là có xảy ra như lời trình bày của ông V. Sau khi ông Q1 chết, những người thừa kế của ông Q1 đã thỏa thuận phân chia di sản đối với thửa đất số 928, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng được chia làm 02 phần cho bà Lê Thị Q và ông Dương Thanh V được hưởng mỗi người 01 phần; còn ông và các em còn lại đều từ chối nhận di sản nêu trên. Khi thỏa thuận phân chia di sản, không ai đặt ra nghĩa vụ trả tiền cọc 100.000.000 đồng nên ông không biết giải quyết như thế nào. Nếu Tòa án chấp nhận buộc những người thừa kế cùng có trách nhiệm trả nợ thay cho cha ông thì ông đồng ý trả 1/6 nghĩa vụ.

Đối với thửa đất số 930, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.138,2 m² tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cũng là di sản do ông Dương Thanh Q1 để lại

nhưng chưa phân chia. Hiện nay phần đất do ông Dương Văn V1 trực tiếp canh tác, ông và những người thừa kế khác đều không yêu cầu phân chia di sản đối với thửa đất này. Do ông Dương Văn V1 chung sống với ông Dương Thanh Q1 thì tiếp tục canh tác sau khi ông Q1 chết.

Bị đơn bà Lê Thị Q, ông Dương Văn X, ông Dương Văn X1, ông Dương Văn V1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng họ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu những người thừa kế của ông Q1 trả số tiền 16.667.000 đồng vì đây là phần nghĩa vụ của nguyên đơn (với tư cách là một trong các đồng thừa kế của ông Q1). Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bà Lê Thị Q, ông Dương Văn S, ông Dương Văn X, ông Dương Văn X1, ông Dương Văn V1 trả số tiền 83.333.000 đồng.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, về việc chấp hành quy định của pháp luật tố tụng đối với những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu những người thừa kế của ông Dương Thanh Q1 trả cho ông Dương Thanh V số tiền 16.667.000 đồng trong phạm vi di sản của ông Q1 để lại.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị Q thực hiện nghĩa vụ của ông Dương Thanh Q1 chết để lại, trả cho nguyên đơn ông Dương Thanh V số tiền 41.671.191 đồng trong phạm vi giá trị di sản mà bà Lê Thị Q được hưởng thừa kế của ông Dương Thanh Q1 tại thửa đất số 1506, tờ bản đồ số 07, có diện tích 4.605 m², tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Thanh V về việc yêu cầu những người thừa kế của ông Dương Thanh Q1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Thanh V số tiền 41.661.809 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền đặt cọc do người chết để lại. Các bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng có thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án được xác định về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” theo quy định tại các khoản 3, 5 và 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, các bị đơn bà Lê Thị Q, ông

Dương Văn X, ông Dương Văn X1, ông Dương V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn nêu trên.

[3] Về phạm vi giải quyết vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu những người thừa kế của ông Dương Thanh Q1 trả lại số tiền 83.333.000 đồng, không yêu cầu những người thừa kế của ông Q1 trả số tiền 16.667.000 đồng vì đây là phần nghĩa vụ của nguyên đơn (với tư cách là một trong các đồng thừa kế của ông Q1). Việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Thanh V về việc buộc những người thừa kế của ông Dương Thanh Q1 trả lại số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng vào năm 2021, trừ đi phần nghĩa vụ mà ông V phải thực hiện, yêu cầu những người thừa kế còn lại trả cho ông số tiền 83.333.000 đồng:

[5] Về nghĩa vụ: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp biên nhận ngày 26-01-2021 có nội dung: “*Tôi Dương Hồng V2 có trồng tiền ông Dương Thanh Q1, bằng 100.000.000. Bằng chữ là trăm triệu*”. Theo nguyên đơn trình bày, số tiền này là tiền cọc ông Q1 nhận để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông V2. Sau đó, do ông Q1 chết vào ngày 25-7-2022 nên hợp đồng không ký kết được. Sự việc này cũng được bị đơn ông Dương Văn S và những người làm chứng Phạm Thị Kim A, Vu Thị Lài E xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn bà Lê Thị Q, ông Dương Văn X1, ông Dương Văn X, ông Dương Văn V1 đều vắng mặt. Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án thông báo hợp lệ cho các bị đơn nhưng họ không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định vào năm 2021, ông Dương Thanh Q1 có nhận tiền cọc 100.000.000 đồng để đảm bảo việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Dương Thanh V. Tuy nhiên, sau đó ông Q1 chết mà thủ tục chưa thực hiện xong, việc ký kết hợp đồng không thực hiện được. Nay ông Dương Thanh V đòi lại số tiền cọc, không ai phải chịu phạt cọc là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về việc thực hiện nghĩa vụ:

[7] Ông Dương Thanh Q1 đã chết ngày 25-7-2022. Theo Tờ khai quan hệ thừa kế ngày 27-6-2023, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì ông Dương Thanh Q1 có vợ là bà Lê Thị Q nhưng không có con chung, ông Q1 có 05 người con riêng với vợ trước (đã ly hôn) là ông Dương Văn S, ông Dương Thanh V, ông Dương Văn X1, ông Dương Văn X và ông Dương Văn V1. Ngoài ra, ông Q1 không còn người thừa kế nào khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất và không có để lại di chúc.

[8] Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

3. Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[9] Thực tế, sau khi ông Dương Thanh Q1 chết, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q1 đã thống nhất lập “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” ngày 16-01-2023. Theo đó, di sản của ông Q1 để lại là phần đất thuộc thửa đất số 928, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng được chia làm 02 phần cho bà Lê Thị Q và ông Dương Thanh V được hưởng mỗi người 01 phần. Bà Lê Thị Q được hưởng phần đất có diện tích 4.605 m², ông Dương Thanh V được hưởng phần đất có diện tích 6.445,8 m². Những người còn lại là Dương Văn s, Dương Văn V1, Dương Văn X và Dương Văn X1 đều xin từ chối nhận di sản thừa kế nêu trên. Các bên cam kết việc thỏa thuận là tự nguyện, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ.

[10] Trên cơ sở thỏa thuận phân chia di sản, ông Dương Thanh V đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 571715, ngày 28-02-2023 đối với thửa đất mới số 1158, tờ bản đồ số 07, có diện tích 6.445,8 m², tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lê Thị Q cũng được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 571716, ngày 28-02-2023 đối với thửa đất mới số 1506, tờ bản đồ số 07, có diện tích 4.605 m², tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Phần đất ông V và bà Q được hưởng được tách ra cùng 01 thửa đất số 928 của ông Q1, có giá trị tương đương nhau. Theo kết quả xác minh tại địa phương, giá trị quyền sử dụng đất tại phần đất thửa số 928 của ông Q1 giáp kênh thủy lợi, có giá theo thỏa thuận dao động từ 60.000.000 đồng - 70.000.000 đồng cho 01 công tâm cây. Tổng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thỏa thuận phân chia di sản lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ của ông Q1 để lại. Lẽ ra, nghĩa vụ tài sản của ông Q1 phải được ưu tiên thanh toán khi tiến hành phân chia di sản của ông Q1. Người hưởng di sản là ông V và bà Q phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 615 và khoản 8 Điều 658 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể, đối với 100.000.000 đồng nghĩa vụ trả tiền cọc của ông Q1 thì ông V phải có nghĩa vụ thanh toán 58.328.809 đồng; bà Lê Thị Q phải có nghĩa vụ thanh toán 41.671.191 đồng.

[12] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng ông Dương Thanh Q1 chết có để lại thửa đất số 930, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.138,2m², tọa lạc Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng là di sản chưa được phân

chia nên buộc tất cả những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất cùng có trách nhiệm thanh toán nợ thay ông Q1. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 614 của Bộ luật Dân sự, những người thừa kế đã có nghĩa vụ tài sản do người chết để lại kể từ thời điểm mở thừa kế. Nội dung Công văn số 14/CNNN ngày 04-01-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã N, tỉnh Sóc Trăng là nội dung xác nhận sau khi ông V và các đồng thừa kế khác đã thỏa thuận phân chia di sản xong. Việc phát sinh thêm di sản của ông Q1 chưa được phân chia, nếu không thỏa thuận được thì ông V có quyền khởi kiện để yêu cầu phân chia di sản theo pháp luật để đảm bảo quyền thừa kế của mình.

[13] Trường hợp này, ông Dương Thanh V vừa là người có quyền đòi tiền cọc từ ông Dương Thanh Q1, vừa là người được hưởng thừa kế, có trách nhiệm thực hiện một phần nghĩa vụ của Q1 để lại. Tại thời điểm thỏa thuận phân chia di sản, ông V không đặt ra vấn đề yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền cọc nhưng sau khi hoàn tất thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì yêu cầu những người thừa kế đã từ chối nhận di sản phải cùng thanh toán nghĩa vụ thay cho ông Q1 là không đúng quy định pháp luật về thừa kế; không hợp với lẽ công bằng khi phân chia di sản. Do đó, cần buộc 02 người được hưởng thừa kế là ông V và bà Q thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Q1 để lại tương ứng phần tài sản mà mình đã nhận. Trong đó, phần nghĩa vụ trả tiền cọc mà ông V phải thực hiện là 58.328.809 đồng đã chấm dứt do hòa nhập bên có nghĩa vụ và bên có quyền theo quy định tại Điều 380 của Bộ luật Dân sự; phần nghĩa vụ trả tiền cọc còn lại, bà Q phải thực hiện là 41.671.191 đồng.

[14] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận một phần, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Q có trách nhiệm trả cho ông Dương Thanh V số tiền 41.671.191 đồng trong phạm vi di sản mà bà Q được hưởng từ ông Q1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[15] Tại phiên tòa, ông Dương Văn S có ý kiến trình bày nếu Tòa án buộc tất cả những người thừa kế của ông Q1 cùng có trách nhiệm thanh toán nghĩa vụ trả tiền cọc của ông Q1 để lại 100.000.000 đồng thì ông đồng ý thực hiện 1/6 nghĩa vụ, tương ứng 16.667.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của ông S nhưng có điều kiện, nay Tòa án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên HĐXX không ghi nhận sự tự nguyện này của ông S.

[16] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận nhưng bà Q là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí, quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3, 5 và 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 328; Điều 380, Điều 614, Điều 615; khoản 8 Điều 658 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các đồng thừa kế gồm bà Lê Thị Q, ông Dương Văn S, ông Dương Văn X, ông Dương Văn X1, ông Dương Văn V1 trả cho ông Dương Thanh V số tiền 16.667.000 đồng trong phạm vi di sản của ông Dương Thanh Q1 để lại.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Q thực hiện phân nghĩa vụ trả tiền do ông Dương Thanh Q1 chết để lại, trả cho nguyên đơn ông Dương Thanh V số tiền 41.671.191 đồng trong phạm vi giá trị di sản mà bà Lê Thị Q được hưởng thừa kế của ông Dương Thanh Q1 tại thửa đất số 1506, tờ bản đồ số 07, có diện tích 4.605 m², tọa lạc tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Thanh V về việc yêu cầu các những người thừa kế của ông Dương Thanh Q1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Thanh V số tiền 41.661.809 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Dương Thanh V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.083.090 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng. Trả lại cho ông Dương Thanh V số tiền tạm ứng án phí còn lại 416.910 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002629 ngày 26-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Lê Thị Q phải chịu 2.083.560 đồng nhưng được miễn nộp.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm